

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/3/2021  
V/v: Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo  
2. Bà Nguyễn Thị Thương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXX ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Đỗ Thị Song H - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đường H, phường V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

***Bị đơn:*** Anh Phạm Hữu T - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Đường T, phường V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên chị Đỗ Thị Song H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Hữu T kết hôn với nhau năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đã nhiều lần anh T đánh chị. Mâu thuẫn của vợ chồng chị cũng được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn. Kể từ tháng 10/2019 chị đã cùng hai con bỏ về nhà

bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung: Cháu Phạm Đỗ Bảo N – sinh ngày 17/7/2012 và Phạm Đỗ N P – sinh ngày 25/5/2015. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Bảo N và N P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về phía anh Phạm Hữu T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa... nhưng anh T không có mặt.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Chị Đỗ Thị Song H và anh Phạm Hữu T kết hôn với nhau năm 2011 và chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng hay xô xát, cãi vã nhau. Từ khoảng cuối năm 2019 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung là cháu Phạm Đỗ Bảo N – sinh ngày 17/7/2012 và Phạm Đỗ N P – sinh ngày 25/5/2015, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị H. Về tài sản công nợ của chị H anh T địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2021 bà Nguyễn Thị B (mẹ đẻ của anh T) cũng thừa nhận sau khi kết hôn chị H, anh T sống chung cùng ông bà hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T còn chơi bời, cờ bạc càng làm cho mâu thuẫn nặng nề hơn. Hai bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên bảo hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Từ tháng 10 năm 2019 chị H đã mang hai con bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh T chị H sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị Song H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Đỗ Thị Song

H, anh Phạm Hữu T có địa chỉ tại thành phố T, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phạm Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa...nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc, tại phiên tòa vắng mặt anh T nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS để xét xử.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Đỗ Thị Song H, anh Phạm Hữu T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thấy rằng: hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu nhau, tin tưởng nhau và có trách nhiệm với nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của chị H, lời khai của bà Nguyễn Thị B (mẹ đẻ anh T), cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh T, chị H sinh sống thể hiện: vợ chồng chị H, anh T mâu thuẫn đã kéo dài, mặc dù được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Sau khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh T đã không đến Tòa án để làm việc, điều đó cho thấy anh T không có ý thức níu kéo lại hạnh phúc gia đình mà mặc nhiên để chị H đơn phương xin ly hôn. Do vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị H, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị được ly hôn anh Phạm Hữu T.

[3] *Về con chung*: Chị H anh T có 02 con chung, cháu Phạm Đỗ Bảo N – sinh ngày 17/7/2012 và Phạm Đỗ N P – sinh ngày 25/5/2015. Ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Bảo N và N P, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của chị H thấy rằng: hiện nay hai cháu Bảo N và N P đang ở với chị H, chị H vẫn nuôi dạy các cháu đảm bảo về mọi mặt. Trong khi đó, anh T biết rõ chị H có nguyện vọng nuôi hai con, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để thể hiện quan điểm, nguyện vọng của mình, bản thân cháu Bảo N có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, giao hai cháu Bảo N và N P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, sẽ đảm bảo các điều kiện chăm sóc tốt hơn cho các cháu. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Bảo N và N P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp.

[4] *Về tài sản*: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị Song H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

*Về hôn nhân:* Xử cho chị Đỗ Thị Song H được ly hôn anh Phạm Hữu T.

*Về con chung:* Công nhận cháu Phạm Đỗ Bảo N – sinh ngày 17/7/2012 và Phạm Đỗ N P – sinh ngày 25/5/2015 là con chung của chị Đỗ Thị Song H, anh Phạm Hữu T. Giao cháu Bảo N và N P cho chị Đỗ Thị Song H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Hữu T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

*Án phí:* Chị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001613 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị H đã nộp đủ tiền án phí).

Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết./.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- THA DS TP.T;
- UBND phường V ;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Trương Thị Quỳnh**

**Hội thẩm nhân dân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Huệ

Phạm Văn Hào

Nguyễn Thị Thương